

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TỈNH BẮC NINH

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2022/HS-ST

Ngày 08/4/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hòa.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn N.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Hanh.

2. Bà Nguyễn Thị Bấy.

3. Ông Đinh Văn Luận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải - Thư ký TAND tỉnh Bắc Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hảo- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 129/2021/TLST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Hà Văn Đ, sinh năm 2000 tại tỉnh Nghệ An; nơi ĐKKHKT: Bản P, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn H (đã chết) và bà Lô Thị H, sinh năm 1968; gia đình có 04 chị em, bị cáo là con út; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 28/4/2021 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

2. Lê Văn T, sinh năm 1999 tại tỉnh Nghệ An; nơi ĐKKHKT: Bản C, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H, sinh năm 1973 và bà Lê Thị H, sinh năm 1975; gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con út; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày

28/4/2021 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

3. Lê Văn T1, sinh năm 1998 tại tỉnh Nghệ An; nơi ĐKHKTT: Bản C, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn V, sinh năm 1950 và bà Lê Thị V (đã chết); gia đình có 08 anh chị em, bị cáo là con út; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 28/4/2021 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

4. Phan Văn N, sinh năm 1993 tại tỉnh Nghệ An; nơi ĐKHKTT: Xóm M, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn B, sinh năm 1971 và bà Chu Thị H, sinh năm 1973; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Trương Văn H, sinh năm 1998 tại tỉnh Nghệ An; nơi ĐKHKTT: Xóm C, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Thổ; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn D, sinh năm 1971 và bà Lữ Thị N, sinh năm 1972; gia đình có 03 chị em, bị cáo là con út; vợ là Lô Thị H, sinh năm 1997, con: Có 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

** Người bào chữa cho các bị cáo Hà Văn Đ và Lê Văn T (do chỉ định):* Bà Đặng Thị H - Trợ giúp viên pháp lý- Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn T1 (do chỉ định):* Bà Nguyễn Thị C - Trợ giúp viên pháp lý- Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

** Bị hại trong vụ án Giết người:* Anh Phan Văn N (đồng thời là bị cáo trong cùng vụ án); có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Chu Thị H, sinh năm 1973; trú tại: Xóm M, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An; có mặt.

2. Anh Lô Văn D, sinh năm 1994; trú tại: Bản C, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; có mặt.

3. Ông Lê Văn H, sinh năm 1973; trú tại: Bản C, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An; có mặt.

4. Anh Lê Văn L, sinh năm 1984; trú tại: Bản C, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An; có mặt.

** Người làm chứng:*

1. Anh Trần Thọ B, sinh năm 1987; trú tại: Xóm M, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

2. Chị Hà Thị Ngọc T, sinh năm 2000; trú tại: Bản K, xã M, huyện C, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

3. Chị Trần Thị Lê L, sinh năm 1999; trú tại: Xóm T, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18h ngày 21/4/2021, Phan Văn N cùng Trương Văn H và chị Trần Thị Lê L, sinh năm 1999, HKTT: xóm T, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An đến quán Lẩu nướng Thanh Bình 37 (gọi tắt là Lẩu nướng 37) ở thôn Bất Lự Làng, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh do anh Trần Thọ B, sinh năm 1987, HKTT: xóm Mới, xã Châu Đình, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An làm chủ để ăn uống.

Khoảng 19h30' cùng ngày, Hà Văn Đ đi xe máy chở bạn gái là Hà Thị Ngọc T, sinh năm 2000, HKTT: bản K, xã M, huyện C, tỉnh Nghệ An đi qua quán Lẩu nướng 37. Do say rượu nên Đ điều khiển xe máy đâm vào 02 xe máy của N và H cùng một số xe máy khác đang dựng phía trước cửa quán. N đi ra túm cổ áo và dùng tay tát 1 cái vào mặt Đ rồi kéo Đ vào bên trong quán. Lúc này, giữa N, H với Đ xảy ra mâu thuẫn, chửi bới nhau. Sau đó, Đ quay về phòng trọ và đứng ở ngoài cổng gọi điện cho Lê Văn T1 đang thuê trọ cùng Đ ở thôn B, xã H nói lại với T1 về sự việc vừa xảy ra. Khi đó có Lê Văn T ở cùng phòng trọ với Đ và T1 cũng đang ở đó. Đ có nhờ Thuỷ và T ra đánh lại N và H. Thuỷ và T đồng ý. Sau đó, T1 lấy 01 con dao dài 25,5cm, chuôi nhựa màu vàng, mũi nhọn; T lấy 02 con dao trong đó 01 con dao phay dài 40cm chuôi gỗ, lưỡi dao bằng kim loại dài 28cm và 01 con dao loại dao thái dài 31cm chuôi nhựa màu đen, lưỡi dao bằng kim loại dài 19,5cm mũi nhọn đi xuống tầng 1 khu nhà trọ thì gặp Đ ở cổng khu trọ. T lấy xe điện chở T1 và Đ đi ra quán Lẩu nướng 37, trước khi đi T đưa cho Đ 01 con dao phay dài 40cm, còn T cầm con dao loại dao thái dài 31cm. Khi cách quán Lẩu

nướng khoảng 100m, T dừng xe và cả 3 đi bộ về phía quán. Đ cầm dao chạy đầu tiên đến cửa quán thì bị anh Bình (chủ quán) ôm, giữ Đ lại đồng thời hô to: "N, H ơi nó có dao". Nghe thấy anh Bình hô, đồng thời nhìn thấy Đ đang bị anh Bình ôm, giữ, đẩy ra giữa đường, N cầm ghế nhựa (loại ghế có tựa lưng) giơ lên đập về phía người Đ. Ngay sau đó, N và H mỗi người cầm 01 ghế nhựa ở quán đập về phía người Đ. Đ vùng ra khỏi anh Bình và dùng dao chém nhiều nhất về phía N. N đưa tay trái lên đỡ thì bị dao chém trúng vào mu bàn tay trái. Lúc này, tay phải N cầm ghế nhựa chạy về phía Đ đang đứng giữa đường, tiếp tục đập ghế vào người Đ. Thấy Đ bị đánh, T cầm dao lao vào chém H nhưng không trúng. H bỏ chạy, T đuổi theo chém liên tiếp 2 nhát bằng sống dao trúng vào lưng H. Sau khi Đ bị anh Bình kéo xuống đường, N vẫn cầm ghế lao vào đánh Đ nhưng bị Đ đập trúng người làm N ngã ra đường. T không đuổi theo H nữa mà quay lại cầm dao xông vào đâm 2 nhát vào hõm nách bên phải và cánh chậu bên phải của N. N vùng dậy bỏ chạy, Đ, T, Thuỷ cầm dao đuổi theo. T nhảy lên đập trúng người N làm N ngã sấp xuống đường. Khi N vừa đứng lên thì bị Đ dơ dao lên chém từ trên xuống trúng vào vùng trán thái dương đỉnh và má trái của N. N tiếp tục vùng dậy bỏ chạy, T, Đ, T1 đuổi theo khoảng 30m thì quay lại lấy xe điện đi về phòng trọ cất giấu dao rồi bỏ trốn vào huyện B, tỉnh Bình Dương. Sự việc xảy ra tại quán Lẩu nướng 37 diễn ra trong thời gian từ khoảng 19h30' đến 20h ngày 21/4/2021 gây lộn xộn, mất trật tự công cộng tại quán, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Ngày 28/4/2021, Hà Văn Đ, Lê Văn T và Lê Văn T1 bị Cơ quan điều tra bắt theo lệnh bắt bị can để tạm giam.

Về phía N và H: Ngay sau khi xảy ra sự việc, N được mọi người đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh đến ngày 28/4/2021 thì ra viện. Còn H chỉ bị xước da, không phải đi khám và điều trị.

* *Tại biên bản khám nghiệm hiện trường*: hồi 7h ngày 25/4/2021 tại khu vực quán Lẩu nướng 37 ở thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh xác định: Hiện trường vụ án xảy ra tại đường dân sinh thôn Bất Lự, Hoàn Sơn ngay tại hiên của quán Lẩu nướng Thanh Bình 37 của anh Trần Thọ B (Hiện trường đã bị xáo trộn do sự tác động của con người). Mặt đường hiện trường nơi xảy ra vụ án rộng 7m được trải nhựa bằng phẳng. Theo lời trình bày của người biết việc: Người bị hại là Trương Văn H và Phan Văn N đang ngồi ăn đến khi đánh nhau ở bàn số 3, N ngồi quay lưng ra đường, H ngồi quay mặt ra đường. Vị trí N, H để xe máy là ngay gần bàn 3, 4, xe để dưới lòng đường, đầu xe hướng vào trong quán. Khi N thanh niên (Đ) chờ

người phụ nữ di chuyển từ quán Karaoke Bảo An dọc trục đường dân sinh đâm vào xe của N, H khiến xe bị đổ nên N, H có ra túm áo Đ và N tát vào mặt Đ. Sau đó, Đ bỏ đi khoảng 10' sau thì quay lại cùng một số người dùng dao chém N, H tại đường dân sinh trước cửa quán. Sau đó, H chạy về hướng Bắc, N chạy hướng N thì bị Đ và đồng bọn đuổi theo đến ngay trước cửa hàng số 99 thì dừng lại đánh, đánh xong các đối tượng lùi về phía Tây.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Văn T1 tại phòng trọ số 15 khu nhà trọ của ông Vũ Văn Tráng, sinh năm 1964, HKTT: thôn Bất Lự Núi, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, Cơ quan điều tra đã thu giữ 03 con dao gồm 01 con dao (loại dao phay) dài 40cm, phần chuôi dao bằng gỗ dài 12cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 28cm, bản rộng nhất của lưỡi dao 7cm, phần mũi dao bị mẻ; 01 con dao loại dao thái dài 31cm, chuôi dao bằng nhựa màu đen dài 11,5cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 19,5cm chỗ rộng nhất 3,7cm, mũi dao nhọn và 01 con dao loại dao thái dài 25,5cm, chuôi dao bằng nhựa màu vân gỗ (vàng) dài 11,5cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 14cm, bản rộng nhất 3,5cm, mũi dao bị gãy, trên thân lưỡi dao có 8 lỗ thủng tròn đều nhau đường kính 0,6cm (đây là 03 con dao mà Đ, T, Thuỷ sử dụng vào việc phạm tội).

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ đoạn camera tại khu trọ của ông Vũ Văn Tráng và đoạn camera ở quán Lẩu nướng Thanh Bình 37 tại thời điểm xảy ra vụ án lưu giữ trong 02 đĩa DVD nhãn hiệu MING Sheng, đồng thời đã chuyển hoá các hình ảnh camera này theo đúng quy định.

Tạm giữ của anh Trần Thọ B (chủ quán) 02 chiếc ghế nhựa màu đỏ cao 7cm, rộng 25cm, chân ghế dài 36cm; tạm giữ của T 01 điện thoại OPPO màu xanh kèm sim; tạm giữ của Thuỷ 01 điện thoại Reno 4 màu xanh kèm sim.

** Tại kết luận giám định số 21/KLGĐM-PC09 ngày 06/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Ninh kết luận:*

- Trên con dao dài 40cm, phần chuôi dao bằng gỗ dài 12cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 28cm có dấu vết máu người, nhóm B (phù hợp với nhóm máu của N);

- Trên con dao dài 31cm, phần chuôi dao bằng nhựa màu đen dài 11,5cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 19,5cm, mũi dao nhọn có dấu vết máu người, nhóm B (phù hợp với nhóm máu của N);

- Trên con dao dài 25,5cm, phần chuôi dao bằng nhựa màu vân gỗ dài 11,5cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 14cm có dấu vết máu người nhưng không đủ để xác định nhóm máu.

** Tại giấy chứng nhận thương tích số 128/KH ngày 17/5/2021 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh xác định thương tích của Phan Văn N như sau:*

- 01 vết thương vùng trán-thái dương-đỉnh trái xuống vùng má trái dài 20cm, rộng 2cm, mép sắc gọn, có đường vỡ xương sọ kéo dài từ thái dương trán lên vùng đỉnh dài 8cm, rộng 0,3cm (thuộc xương vòm sọ), trong đường vỡ xương có nhiều tóc găm vào và có chảy dịch não tủy trong qua vết thương;

- 01 vết thương sắc gọn vùng ngực phải ngay trước hõm nách phải dài 2cm, rộng 0,5cm, sâu 0,5cm;

- 01 vết rách da vùng cánh chậu phải dài 1cm, rộng 0,5cm, sâu 0,5cm, không dập nát mép;

- 01 vết xước da mu bàn tay trái dài 3cm, kèm sưng nề mu bàn tay trái;

- Cận lâm sàng có giá trị chẩn đoán:

+ Chụp CLVT sọ não (trước mổ ngày 21/4/2021): Hình ảnh tụ máu - khí ngoài màng cứng đỉnh trái. Vỡ xương trán - đỉnh trái.

+ Chụp CLVT sọ não (sau mổ ngày 23/4/2021): Hiện tại không thấy tụ máu nội sọ trên phim CLVT. Mỡ xương đỉnh trái.

** Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 65/TgT ngày 31/5/2021 của Trung tâm pháp y Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh kết luận về thương tích của Phan Văn N như sau:*

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Thương tích vùng đỉnh trái - trán - thái dương - má trái, đầu trên vết thương cách đỉnh tai trái 10cm, đầu dưới vết thương trên xương gò má trái, kích thước 15x0,2cm, còn 18 sọc chân chỉ kích thước 1x0,1cm, bờ mép gọn, sọc màu hồng nhạt, liền sọc tốt. Áp dụng chương 8 tỷ lệ phần trăm tổn thương có thể do tổn thương phần mềm. Mục I.3. sọc lớn = 3%. Vùng mặt x 3 = 9%.

- Thương tích ngực phải cạnh hõm nách gần nếp gấp cánh tay và ngực phải kích thước 2 x 0,2cm, bờ mép mờ, liền sọc tốt. Áp dụng chương 8 tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm. Mục I.1. sọc nhỏ = 1%.

- Thương tích vùng cánh chậu phải dưới gai chậu trước bên phải kích thước 1x0,3cm, bờ mép mờ, liền sọc tốt. Áp dụng chương 8 tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm. Mục I.1. sọc nhỏ = 1%.

- Thương tích mu bàn tay trái đầu trên vết thương giữa xương bàn ngón IV-V, đầu dưới vết thương gốc ngón III tay trái, diện tổn thương 4 x 0,1cm, bờ mép gọn, sọc màu hồng nhạt, liền sọc tốt. Áp dụng chương 8 tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ

thể do tổn thương phần mềm. Mục I.1. sẹo nhỏ = 1%.

- Khuyết xương thái dương đỉnh trái đáy chắc (trùng với vỡ xương thái dương đỉnh trái trong biên bản phẫu thuật của bệnh án, kích thước ~ 45x17,5mm do phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng trái. Áp dụng chương 1 tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tổn thương xương sọ, hệ thần kinh. Mục I.5.1. sẹo nhỏ = 18%

- Máu tụ ngoài màng cứng vùng trán thái dương trái đã phẫu thuật hiện tại còn dịch hoá kích thước ~14x11mm. Áp dụng chương 1 tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tổn thương xương sọ và hệ thần kinh. Mục III.7= 18%.

- Chấn động não do mất máu sau va chạm đã điều trị ổn định (phù hợp với khám chuyên khoa thần kinh và điện não đồ). Áp dụng chương 1 tỷ lệ % tổn thương cơ thể do tổn thương xương sọ và hệ thần kinh. Mục II.1= 3%.

2. Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT ký ngày 28/8/2019 quy định phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong pháp y.

Theo nguyên tắc cộng lùi tại Thông tư 22/2019/TT-BYT tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 42,42%. Làm tròn 42%.

3. Kết luận khác: Cơ chế là do tác động ngoại lực bởi vật sắc.

** Tại bản kết luận giám định số 96A/TgT ngày 30/6/2021 của Trung tâm pháp y Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh kết luận về thương tích của Trương Văn H như sau:*

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Thương tích sườn trái có vết rôi loạn biến đổi sắc tố da kích thước 5x0,1cm. Áp dụng chương 8 tỷ lệ % tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm. Mục V = 0,75%.

- Thương tích vùng lưng trái đã khỏi, không có dấu vết tổn thương. Không đủ căn cứ khoa học tính tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể.

Căn cứ thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 quy định phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong pháp y: *Theo nguyên tắc cộng tại thông tư 22/2019/TT-BYT tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 0,75%, làm tròn 1%.*

2. Kết luận khác: Do tác động ngoại lực trực tiếp bởi vật tày có cạnh diện tiếp xúc dài 5cm, rộng 0,1cm.

** Về trách nhiệm dân sự:* Theo gia đình N, việc cấp cứu, điều trị cho N chi phí hết khoảng 65.000.000đ, gia đình đã nộp lại 04 hoá đơn liên quan đến chi phí cho việc cấp cứu, điều trị của N trong thời gian nằm viện với tổng số tiền là 4.884.382đ, đến nay các bị can Đ, T, Thuỷ chưa bồi thường gì cho N. Đối với thương tích của

H, H không có yêu cầu, đề nghị gì.

Trong quá trình xô sát, Hà Văn Đ bị N và H dùng ghế nhựa gây thương tích ở vùng trán. Tuy nhiên, do thương tích nhỏ, Đ không có yêu cầu, đề nghị gì về việc này nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý. Đối với Trương Văn H bị thương tích 1% nhưng không có yêu cầu, đề nghị gì nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xem xét xử lý.

Đối với việc Đ điều khiển xe máy đâm vào 02 xe máy của N và H gây hư hỏng đối với 02 xe này và việc N, H làm hư hỏng 02 chiếc ghế nhựa tại quán của anh Bình. Do giá trị tài sản bị hư hỏng không lớn, N, H và anh Bình không có yêu cầu gì về việc bồi thường.

Với nội dung trên, bản Cáo trạng số 147/CT-VKS-P2 ngày 24/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã truy tố các bị cáo Hà Văn Đ, Lê Văn T và Lê Văn T1 về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự; truy tố các bị cáo Phan Văn N và Trương Văn H về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận nội dung bản cáo trạng truy tố là đúng người, đúng tội. Bị cáo Đ thừa nhận đã có hành vi dùng con dao phay chuôi gỗ chém nhiều nhát trúng vào mu bàn tay trái và vào đầu N. Bị cáo T khai có dùng con dao loại dao thái chuôi dao bằng nhựa màu đen, lưỡi dao bằng kim loại mũi dao nhọn đâm 2 nhát vào vùng hõm nách và cánh chậu của N và dùng sống dao chém vào vùng lưng và sườn của H. Bị cáo T1 cầm con dao thái chuôi dao màu vàng cùng với Đ và T1 đuổi theo N. Sau khi sự việc xảy ra, Đ, T và T1 về phòng trọ cất dao và bỏ trốn vào Bình Dương. Đến ngày 28/04/2021 thì bị bắt. Bị cáo N và H đều thừa nhận có hành vi dùng ghế nhựa của quán Lẩu nướng 37 đập vào người Đ trước dẫn đến sự việc bị Đ, T và T1 đâm, chém gây thương tích cho mình, đồng thời gây náo loạn, gây lo lắng cho mọi người, mất trật tự công cộng tại nơi xảy ra sự việc. Ngay sau đó N được đưa đi bệnh viện cấp cứu và chữa trị kịp thời và được kết luận tỷ lệ thương tích là 42%. H bị thương tích 1%. Tuy nhiên, H không yêu cầu gì về xử lý trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự đối với bị cáo T. Còn bị cáo N yêu cầu các bị cáo Đ, T và T1 phải bồi thường cho bị cáo tổng cộng tiền khám chữa bệnh, tiền mất thu nhập và bồi thường tổn thất tinh thần là 130 triệu đồng. Các bị cáo Đ, T, Thuỷ đều nhất trí bồi thường 130 triệu đồng như yêu cầu của N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Chu Thị H trình bày: Bà là mẹ bị

cáo N và là người chăm sóc cho N tại bệnh viện từ ngày 21 đến ngày 28/4/2021. Bà yêu cầu các bị cáo Đ, T và T1 phải bồi thường cho bà số tiền mất thu nhập trong thời gian chăm sóc N ở bệnh viện và nhất trí như yêu cầu của N, đề nghị các bị cáo phải bồi thường tổng số tiền là 130 triệu đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lô Văn D, ông Lê Văn H và anh Lê Văn L đều trình bày đã tự nguyện nộp một khoản tiền để bồi thường khắc phục hậu quả cho các bị cáo và không có ý kiến gì về số tiền này.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị HĐXX:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hà Văn Đ, Lê Văn T và Lê Văn T1 phạm tội “Giết người”; các bị cáo Phan Văn N và Trương Văn H phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Về hình phạt:

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Hà Văn Đ từ 12 đến 13 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 28/4/2021.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 10 đến 11 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 28/4/2021.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; khoản 3 Điều 57; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn T1 từ 5 đến 6 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 28/4/2021.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Phan Văn N từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Trương Văn H từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 590 Bộ luật dân sự, công nhận sự thỏa thuận của các bị cáo Đ, T và Thuỷ với bị cáo N, buộc các bị cáo Hà Văn Đ, Lê Văn T và Lê Văn T1 phải liên đới bồi thường cho bị cáo Phan Văn N tổng số tiền là 130 triệu đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS: tịch thu tiêu hủy số vật chứng thu giữ gồm: 03 con dao là hung khí của vụ án và 02 chiếc ghế

nhựa; tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại thu giữ của T1 là công cụ phạm tội. Trả lại cho T 01 chiếc điện thoại di động thu giữ của T nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Các bị cáo Đ, T, Thuỷ, N, H không tranh luận với Đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Đ và bị cáo T trình bày: nhất trí về tội danh và khung hình phạt như cáo trạng đã truy tố. Tuy nhiên, đề nghị HĐXX xem xét các bị cáo Đ, T, Thuỷ thực hiện hành vi phạm tội là do bị hại có lỗi, các bị cáo phạm tội “Giết người” nhưng chưa đạt, các bị cáo Đ, T có nhân thân tốt, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, tuổi đời còn trẻ, nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Đề nghị cho bị cáo Đ và T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; và căn cứ Điều 54; Điều 57 BLHS cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị giải quyết theo quy định.

Bị cáo Đ và T nhất trí với lời bào chữa của trợ giúp viên pháp lý và không bổ sung gì thêm.

Người bào chữa cho bị cáo T1 trình bày: nhất trí về tội danh và khung hình phạt như cáo trạng đã truy tố. Đề nghị xem xét bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Trong vụ án này bị cáo chỉ có vai trò giúp sức không đáng kể. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 57 BLHS cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm được về với gia đình và xã hội. Về trách nhiệm dân sự đề nghị giải quyết theo quy định.

Bị cáo Thuỷ nhất trí với lời bào chữa của trợ giúp viên pháp lý và không bổ sung gì thêm.

Đôi đáp với ý kiến của những người bào chữa cho các bị cáo đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS, đại diện viện kiểm sát không nhất trí vì số tiền gia đình các bị cáo nộp để khắc phục hậu quả so với số tiền các bị cáo phải bồi thường chưa được 2/3, do đó đại diện Viện kiểm sát chỉ đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như đã luận tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an

huyện Tiên Du, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Ninh; Điều tra viên Công an huyện Tiên Du, Điều tra viên Công an tỉnh Bắc Ninh, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời trình bày của những người làm chứng, hình ảnh camera ghi lại tại hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường, các bản kết luận giám định, biên bản nhận dạng vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 19h30' ngày 21/4/2021, do bức tức vì bị Phan Văn N và Trương Văn H xô sát cãi chửi nhau tại quán Lẩu nướng Thanh Bình 37 ở thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh, Hà Văn Đ đã rủ Lê Văn T1 và Lê Văn T đến quán Lẩu nướng 37 để đánh N và H. Sau đó, Đ, T, Thuỷ mỗi người cầm theo 01 con dao đeo nhau bằng xe điện đi đến quán Lẩu nướng 37 để đánh N và H. Tại trước cửa quán, ban đầu N và H dùng ghế nhựa xông vào đánh Đ, sau đó Đ dùng con dao loại dao phay dài 40cm, chuôi gỗ, lưỡi dao bằng kim loại dài 28cm chém nhiều nhát vào tay, đầu của N; T dùng con dao loại dao thái dài 31cm chuôi nhựa màu đen, lưỡi dao bằng kim loại dài 19,5cm mũi nhọn đâm 02 nhát vào vùng hõm nách và cánh chậu bên phải của N và dùng sừng dao chém vào vùng lưng và sườn bên phải của H; Thuỷ cầm con dao loại dao thái dài 25,5cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 14cm, mũi dao bị gãy, chuôi dao màu vàng cùng Đ và T đuổi theo N. N không chết là do được cấp cứu và điều trị kịp thời nhưng bị tổn hại 42% sức khoẻ. H bị tổn hại 1% sức khoẻ. Sự việc xảy ra tại trước cửa quán Lẩu nướng 37 đã gây ra tình trạng rất lộn xộn, mất trật tự công cộng, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương trong thời gian từ khoảng 19h30' đến 20h cùng ngày. Như vậy, hành vi của các bị cáo Đ, T và T1 chỉ vì mâu thuẫn nhỏ đã dùng dao là hung khí nguy hiểm đâm chém nhiều nhát vào đầu và người N gây thương tích cho N là 42% thể hiện tính côn đồ, hung hãn, đã phạm vào tội “Giết người” theo tình tiết định khung quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo N và H dùng ghế nhựa đập vào người của Đ gây hư hỏng tài sản, gây mất trật tự công cộng đã phạm vào tội “Gây rối trật tự công cộng” theo tình tiết định khung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự . Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh truy tố các Đ, T, Thuỷ về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 BLHS; các bị cáo N và H về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo Đ, T và T1 là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tính mạng của con người được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Hành vi phạm tội của các bị cáo N và H đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo trong vụ án thì thấy: Đây là vụ án có đồng phạm. Tuy nhiên, các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, không bàn bạc phân công vai trò cụ thể của từng bị cáo nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Trong đó, đối với tội Giết người thì bị cáo Đ giữ vai trò chính là người gọi cho T và T1 đến đánh nhau và trực tiếp thực hiện hành vi chém vào đầu anh N, bị cáo T là người thực hành tích cực, đã trực tiếp đâm 2 nhát vào người anh N và gây thương tích cho H 1%. Còn bị cáo T1 chỉ cầm dao cùng Đ và T đuổi theo N mà không trực tiếp gây thương tích cho ai. Do đó, khi quyết định hình phạt, bị cáo Đ phải chịu hình phạt nặng hơn bị cáo T, còn bị cáo T1 chịu hình phạt nhẹ hơn Đ và T. Đối với tội Gây rối trật tự công cộng, hành vi của các bị cáo N và H đều giữ vai trò ngang nhau khi thực hiện hành vi gây rối.

Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cả 5 bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với 4 bị cáo Đ, T, T1 và H đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên 4 bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo N có ông ngoại được tặng huy chương kháng chiến hạng nhì nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS. Gia đình các bị cáo Đ đã nộp 9.200.000đ, bị cáo T nộp 5.200.000đ và bị cáo Thuỷ đã nộp 2.200.000đ để khắc phục hậu quả nên các bị cáo Đ, T, Thuỷ được

hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy hành vi của các bị cáo Đ, T và T1 là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội nên đối với lần phạm tội này cần phải cách ly cả 3 bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, đối với bị cáo T1 phạm tội Giết người là đồng phạm giúp sức nhưng có vai trò không đáng kể, không trực tiếp gây thương tích cho ai nên cần áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề cũng đủ để giáo dục, răn đe đối với bị cáo. Các bị cáo Đ, T và T1 phạm tội “Giết người” nhưng bị hại không chết nên thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt, do vậy áp dụng Điều 57 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo khi lượng hình.

Đối với bị cáo N và H phạm tội gây rối trật tự công cộng. Tuy nhiên, căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của các bị cáo, xét thấy các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo N, H ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên toà hôm nay, phía bị hại là bị cáo N yêu cầu các bị cáo Đ, T và T1 phải bồi thường chi phí khám chữa bệnh, tiền mất thu nhập, tiền tổn thất về tinh thần tổng số tiền là 130 triệu đồng. Các bị cáo Đ, T và Thuỷ đều nhất trí bồi thường. Do vậy, cần công nhận thoả thuận của các bị cáo. Buộc bị cáo Đ, T, Thuỷ phải liên đới bồi thường cho bị cáo N 130 triệu đồng. Trong đó, Đ phải bồi thường 60 triệu đồng, T phải bồi thường 50 triệu đồng và Thuỷ phải bồi thường 20 triệu đồng.

Đối với bị cáo H bị thương tích 1% nhưng H không có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về vật chứng: Đối với 03 con dao và 02 chiếc ghế nhựa là hung khí của vụ án cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 chiếc điện thoại thu giữ của T1 sử dụng để liên lạc với Đ rủ nhau cùng thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước; đối với 01 chiếc điện thoại di động thu giữ của T không liên quan đến việc thực hiện tội phạm cần trả lại cho bị cáo T như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[6]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Hà Văn Đ, Lê Văn T và Lê Văn T1 phạm tội “Giết người”; các bị cáo Phan Văn N và Trương Văn H phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 57; Điều 58; (áp dụng thêm khoản 2 Điều 54 BLHS đối với bị cáo Thuỷ); Điều 38 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Hà Văn Đ 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 28/4/2021.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 10 (Mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 28/4/2021.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn T1 5 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 28/4/2021.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Phan Văn N 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Trương Văn H 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phan Văn N cho Ủy ban nhân dân xã Châu Đình, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trương Văn H cho Ủy ban nhân dân xã Thọ Hợp, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam các bị cáo Hà Văn Đ, Lê Văn T và Lê Văn T1 mỗi bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 587, 590 Bộ luật dân sự: Công nhận sự thỏa thuận của các bị cáo Đ, T và Thuỷ với bị cáo Phan Văn N. Buộc các bị cáo Hà Văn Đ, Lê Văn T và Lê Văn T1 phải liên đới bồi thường cho bị cáo Phan Văn N tổng số tiền là 130 triệu đồng. Trong đó, bị cáo Đ phải bồi thường 60 triệu đồng, bị cáo T phải bồi thường 50 triệu đồng và bị cáo Thuỷ phải bồi thường 20 triệu đồng.

Xác nhận gia đình bị cáo Đ đã bồi thường 9.200.000đ, bị cáo T đã bồi thường 5.200.000đ, bị cáo Thuỷ đã bồi thường 2.200.000đ lần lượt theo biên lai thu tiền số 0000355; 0000354; 0000353 cùng ngày 08/4/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 con dao (loại dao phay) dài 40cm, phần chuôi dao bằng gỗ dài 12cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 28cm, bản rộng nhất của lưỡi dao 7cm, phần mũi dao bị mẻ; 01 con dao loại dao thái dài 31cm, chuôi dao bằng nhựa màu đen dài 11,5cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 19,5cm chỗ rộng nhất 3,7cm, mũi dao nhọn; 01 con dao loại dao thái dài 25,5cm, chuôi dao bằng nhựa màu vân gỗ (vàng) dài 11,5cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 14cm, bản rộng nhất 3,5cm, mũi dao bị gãy, trên thân lưỡi dao có 8 lỗ thủng tròn đều nhau đường kính 0,6cm và 02 ghế nhựa.

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại Reno 4 màu xanh kèm sim của T1.

Trả lại cho bị cáo T 01 chiếc điện thoại OPPO màu xanh kèm sim của T nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Số vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/11/2021 giữa Công an tỉnh Bắc Ninh PC02 và Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh).

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Hà Văn Đ, Lê Văn T, Lê Văn T1, Phan Văn N và Trương Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Hà Văn Đ phải chịu 3.000.000 đồng; bị cáo Lê Văn T phải chịu 2.500.000đ và bị cáo Lê Văn T1 phải chịu 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Vụ 1- TAND tối cao; TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Trại TG- CA tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng PC 10- CA tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng PV 26- CA tỉnh Bắc Ninh;
- CQCSĐT- CA tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Hòa